

ANIMALS



Learn the words and their meanings.



1



lizard

2



monkey

3



mouse

4



mice

5



pet

6



polar bear

7



sheep

8



snake

9



spider

10



tiger

11



zebra

12



tail

★ **WORD BANK** ★

English	Tiếng Việt	English	Tiếng Việt
lizard	con thằn lằn	sheep	con cừu
monkey	con khỉ	snake	con rắn
mouse	con chuột	spider	con nhện
mice	những con chuột	tiger	con hổ
pet	thú cưng	zebra	con ngựa vằn
polar bear	gấu Bắc Cực	tail	cái đuôi

ANIMALS



Learn the words and their meanings



1



2



3



4



5



6



7



8



9



10



11



12



WORD BANK

English	Tiếng Việt	English	Tiếng Việt
lizard	con thằn lằn	sheep	con cừu
monkey	con khỉ	snake	con rắn
mouse	con chuột	spider	con nhện
mice	những con chuột	tiger	con hổ
pet	thú cưng	zebra	con ngựa vằn
polar bear	gấu Bắc Cực	tail	cái đuôi